

**PHỤ LỤC SỐ 05**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ  
Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 650 /BC-HĐQTCSVN

TP.HCM, ngày 29 tháng 7 năm 2026

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
(06 tháng đầu năm 2026)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Tên công ty: Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần
- Địa chỉ trụ sở chính: 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028 39325234 ; Fax: 028 39327341; Email: vrg@vrg.vn
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000.000 đồng
- Mã chứng khoán: GVR
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                             |
|-----|---------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01  | 134/BB-ĐHĐCĐCSVN          | 17/06/2026 | Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP |
| 02  | 135/NQ-ĐHĐCĐCSVN          | 17/06/2026 | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP     |

**II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 06 tháng đầu năm 2026):**

**1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):**

| STT | Thành viên HĐQT       | Chức vụ (TV.HĐQT độc lập, TV.HĐQT không điều hành) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT |                 |
|-----|-----------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|
|     |                       |                                                    | Ngày bổ nhiệm                             | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Ông Trần Công Kha     | Chủ tịch HĐQT                                      | 12/01/2022                                |                 |
| 2   | Ông Lê Thanh Hưng     | TV. HĐQT                                           | 13/01/2022                                |                 |
| 3   | Ông Hà Văn Khương     | TV.HĐQT không ĐH                                   | 22/05/2018                                |                 |
| 4   | Ông Đỗ Hữu Phước      | TV. HĐQT                                           | 17/06/2024                                |                 |
| 5   | Ông Trương Minh Trung | TV. HĐQT                                           | 05/11/2025                                |                 |
| 6   | Bà Huỳnh Thị Cẩm Hồng | TV. HĐQT không ĐH                                  | 05/11/2025                                |                 |
| 7   | Ông Nguyễn Đông Phong | TV độc lập HĐQT                                    | 17/06/2024                                |                 |
| 8   | Ông Nguyễn Hay        | TV độc lập HĐQT                                    | 22/05/2018                                |                 |

**2. Các cuộc họp HĐQT**

| STT | Thành viên HĐQT       | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-----------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | Ông Trần Công Kha     | 02/02                    | 100%              |                         |
| 2   | Ông Lê Thanh Hưng     | 02/02                    | 100%              |                         |
| 3   | Ông Hà Văn Khương     | 02/02                    | 100%              |                         |
| 4   | Ông Đỗ Hữu Phước      | 02/02                    | 100%              |                         |
| 5   | Ông Trương Minh Trung | 02/02                    | 100%              |                         |
| 6   | Bà Huỳnh Thị Cẩm Hồng | 01/02                    | 50%               | Bận công tác            |
| 7   | Ông Nguyễn Đông Phong | 02/02                    | 100%              |                         |
| 8   | Ông Nguyễn Hay        | 01/02                    | 50%               | Bận công tác            |

**3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:**

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị của Tập đoàn, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát hoạt động đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong việc tổ chức

điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành trong quá trình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị, tình hình thực tế thị trường và đúng quy định pháp luật, kết quả như sau.

Chỉ tiêu hoạt động SXKD chính 06 tháng đầu năm 2026

(ĐVT: Tỷ VNĐ)

| Stt | Chỉ tiêu               | 6 tháng đầu năm 2026 |
|-----|------------------------|----------------------|
| 1   | Tổng doanh thu (thuần) | 19.415               |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế   | 6.034                |
| 3   | Nộp ngân sách          | 2.204                |

(Ghi chú: Số liệu thực hiện 6 tháng năm 2026 chưa được kiểm toán)

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có tiểu ban

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (6 tháng năm 2026):

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                | Tỉ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|---------------------------------------------------------|-----------------|
| 1   | 01/NQ-HĐQTCSVN            | 06/01/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 2   | 02/NQ-HĐQTCSVN            | 10/01/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 3   | 03/NQ-HĐQTCSVN            | 13/01/2026 | NQ về công tác cán bộ                                   | 100%            |
| 4   | 04/NQ-HĐQTCSVN            | 16/01/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 5   | 05/NQ-HĐQTCSVN            | 16/01/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 6   | 06/NQ-HĐQTCSVN            | 16/01/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 7   | 07/NQ-HĐQTCSVN            | 16/01/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 8   | 08/NQ-HĐQTCSVN            | 20/01/2026 | NQ về công tác cán bộ                                   | 100%            |
| 9   | 09/NQ-HĐQTCSVN            | 26/01/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 10  | 10/NQ-HĐQTCSVN            | 26/01/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 11  | 11/NQ-HĐQTCSVN            | 26/01/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |

| <b>STT</b> | <b>Số Nghị quyết/ Quyết định</b> | <b>Ngày</b> | <b>Nội dung</b>                                         | <b>Tỉ lệ thông qua</b> |
|------------|----------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------|------------------------|
| 12         | 12/NQ-HĐQTCSVN                   | 26/01/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 87,50%                 |
| 13         | 13/NQ-HĐQTCSVN                   | 26/01/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 14         | 14/NQ-HĐQTCSVN                   | 26/01/2026  | NQ kỳ họp Quý                                           | 100%                   |
| 15         | 15/NQ-HĐQTCSVN                   | 27/01/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 16         | 16/NQ-HĐQTCSVN                   | 27/01/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 17         | 17/NQ-HĐQTCSVN                   | 28/01/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 18         | 18/NQ-HĐQTCSVN                   | 28/01/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 19         | 19/NQ-HĐQTCSVN                   | 29/01/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 20         | 20/NQ-HĐQTCSVN                   | 03/02/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 21         | 21/NQ-HĐQTCSVN                   | 03/02/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 22         | 22/NQ-HĐQTCSVN                   | 05/02/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 23         | 23/NQ-HĐQTCSVN                   | 05/02/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 24         | 24/NQ-HĐQTCSVN                   | 06/02/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 25         | 25/NQ-HĐQTCSVN                   | 06/02/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 26         | 26/NQ-HĐQTCSVN                   | 09/02/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 27         | 27/NQ-HĐQTCSVN                   | 09/02/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 28         | 28/NQ-HĐQTCSVN                   | 09/02/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 29         | 29/NQ-HĐQTCSVN                   | 09/02/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 30         | 30/NQ-HĐQTCSVN                   | 10/02/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 31         | 31/NQ-HĐQTCSVN                   | 11/02/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 32         | 32/NQ-HĐQTCSVN                   | 11/02/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                | Tỉ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|---------------------------------------------------------|-----------------|
| 33  | 33/NQ-HĐQTCSVN            | 11/02/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 34  | 34/NQ-HĐQTCSVN            | 11/02/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 35  | 35/NQ-HĐQTCSVN            | 11/02/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 36  | 36/NQ-HĐQTCSVN            | 12/02/2026 | NQ về công tác cán bộ                                   | 100%            |
| 37  | 37/NQ-HĐQTCSVN            | 12/02/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 38  | 38/NQ-HĐQTCSVN            | 13/02/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 39  | 39/NQ-HĐQTCSVN            | 27/02/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 40  | 40/NQ-HĐQTCSVN            | 27/02/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 41  | 41/NQ-HĐQTCSVN            | 27/02/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 42  | 42/NQ-HĐQTCSVN            | 04/03/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 43  | 43/NQ-HĐQTCSVN            | 04/03/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 44  | 44/NQ-HĐQTCSVN            | 05/03/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 45  | 45/NQ-HĐQTCSVN            | 05/03/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 46  | 46/NQ-HĐQTCSVN            | 05/03/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 47  | 47/NQ-HĐQTCSVN            | 05/03/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 48  | 48/NQ-HĐQTCSVN            | 05/03/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 49  | 49/NQ-HĐQTCSVN            | 05/03/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 50  | 50/NQ-HĐQTCSVN            | 05/03/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 51  | 51/NQ-HĐQTCSVN            | 05/03/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 52  | 52/NQ-HĐQTCSVN            | 05/03/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 53  | 53/NQ-HĐQTCSVN            | 05/03/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |

| <b>STT</b> | <b>Số Nghị quyết/ Quyết định</b> | <b>Ngày</b> | <b>Nội dung</b>                                                                                                     | <b>Tỉ lệ thông qua</b> |
|------------|----------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 54         | 54/NQ-HĐQTCSVN                   | 06/03/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản                                                             | 100%                   |
| 55         | 55/NQ-HĐQTCSVN                   | 09/03/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản                                                             | 100%                   |
| 56         | 56/NQ-HĐQTCSVN                   | 13/03/2026  | NQ về công tác cán bộ                                                                                               | 100%                   |
| 57         | 57/NQ-HĐQTCSVN                   | 19/03/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản                                                             | 100%                   |
| 58         | 58/NQ-HĐQTCSVN                   | 20/03/2026  | NQ về công tác cán bộ                                                                                               | 100%                   |
| 59         | 59/NQ-HĐQTCSVN                   | 20/03/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản                                                             | 100%                   |
| 60         | 61/NQ-HĐQTCSVN                   | 23/03/2026  | NQ về công tác cán bộ                                                                                               | 100%                   |
| 61         | 62/NQ-HĐQTCSVN                   | 24/03/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản                                                             | 100%                   |
| 62         | 63/NQ-HĐQTCSVN                   | 31/03/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản                                                             | 100%                   |
| 63         | 64/NQ-HĐQTCSVN                   | 07/04/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản                                                             | 100%                   |
| 64         | 65/NQ-HĐQTCSVN                   | 07/04/2026  | NQ kỳ họp Quý                                                                                                       | 100%                   |
| 65         | 66/NQ-HĐQTCSVN                   | 07/04/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản                                                             | 100%                   |
| 66         | 67/NQ-HĐQTCSVN                   | 08/04/2026  | NQ về gia hạn thời gian, nội dung, hình thức và thời gian dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 | 100%                   |
| 67         | 68/NQ-HĐQTCSVN                   | 10/04/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản                                                             | 100%                   |
| 68         | 69/NQ-HĐQTCSVN                   | 15/04/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản                                                             | 100%                   |
| 69         | 70/NQ-HĐQTCSVN                   | 16/04/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản                                                             | 100%                   |
| 70         | 71/NQ-HĐQTCSVN                   | 16/04/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản                                                             | 100%                   |
| 71         | 72/NQ-HĐQTCSVN                   | 16/04/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản                                                             | 100%                   |
| 72         | 73/NQ-HĐQTCSVN                   | 17/04/2026  | Trích NQ kỳ họp Quý                                                                                                 | 100%                   |
| 73         | 74/NQ-HĐQTCSVN                   | 17/04/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản                                                             | 100%                   |
| 74         | 75/NQ-HĐQTCSVN                   | 20/04/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản                                                             | 100%                   |
| 75         | 76/NQ-HĐQTCSVN                   | 20/04/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản                                                             | 100%                   |

| <b>STT</b> | <b>Số Nghị quyết/ Quyết định</b> | <b>Ngày</b> | <b>Nội dung</b>                                         | <b>Tỉ lệ thông qua</b> |
|------------|----------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------|------------------------|
| 76         | 77/NQ-HĐQTCSVN                   | 21/04/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 77         | 78/NQ-HĐQTCSVN                   | 21/04/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 78         | 79/NQ-HĐQTCSVN                   | 21/04/2026  | NQ về công tác cán bộ                                   | 100%                   |
| 79         | 80/NQ-HĐQTCSVN                   | 21/04/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 80         | 81/NQ-HĐQTCSVN                   | 22/04/2026  | NQ về công tác cán bộ                                   | 100%                   |
| 81         | 82/NQ-HĐQTCSVN                   | 22/04/2026  | NQ về công tác cán bộ                                   | 100%                   |
| 82         | 83/NQ-HĐQTCSVN                   | 22/04/2026  | NQ về công tác cán bộ                                   | 100%                   |
| 83         | 84/NQ-HĐQTCSVN                   | 28/04/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 84         | 85/NQ-HĐQTCSVN                   | 28/04/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 85         | 86/NQ-HĐQTCSVN                   | 28/04/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 86         | 87/NQ-HĐQTCSVN                   | 28/04/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 87         | 88/NQ-HĐQTCSVN                   | 04/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 88         | 89/NQ-HĐQTCSVN                   | 06/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 89         | 90/NQ-HĐQTCSVN                   | 08/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 90         | 91/NQ-HĐQTCSVN                   | 08/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 91         | 92/NQ-HĐQTCSVN                   | 08/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 92         | 93/NQ-HĐQTCSVN                   | 08/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 93         | 94/NQ-HĐQTCSVN                   | 08/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 94         | 95/NQ-HĐQTCSVN                   | 08/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 95         | 96/NQ-HĐQTCSVN                   | 11/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 96         | 97/NQ-HĐQTCSVN                   | 11/05/2026  | NQ về công tác cán bộ                                   | 100%                   |
| 97         | 98/NQ-HĐQTCSVN                   | 12/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |
| 98         | 99/NQ-HĐQTCSVN                   | 12/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%                   |

| <b>STT</b> | <b>Số Nghị quyết/ Quyết định</b> | <b>Ngày</b> | <b>Nội dung</b>                                          | <b>Tỉ lệ thông qua</b> |
|------------|----------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------|------------------------|
| 99         | 100/NQ-HĐQTCSVN                  | 13/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản  | 100%                   |
| 100        | 101/NQ-HĐQTCSVN                  | 14/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản  | 100%                   |
| 101        | 102/NQ-HĐQTCSVN                  | 15/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản  | 100%                   |
| 102        | 103/NQ-HĐQTCSVN                  | 15/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản  | 100%                   |
| 103        | 104/NQ-HĐQTCSVN                  | 15/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản  | 100%                   |
| 104        | 105/NQ-HĐQTCSVN                  | 15/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản  | 100%                   |
| 105        | 106/NQ-HĐQTCSVN                  | 15/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản  | 100%                   |
| 106        | 107/NQ-HĐQTCSVN                  | 18/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản  | 100%                   |
| 107        | 108/NQ-HĐQTCSVN                  | 19/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản  | 100%                   |
| 108        | 109/NQ-HĐQTCSVN                  | 20/05/2026  | NQ về công tác cán bộ                                    | 100%                   |
| 109        | 110/NQ-HĐQTCSVN                  | 21/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản  | 100%                   |
| 110        | 111/NQ-HĐQTCSVN                  | 22/05/2026  | NQ về công tác cán bộ                                    | 100%                   |
| 111        | 112/NQ-HĐQTCSVN                  | 22/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản  | 100%                   |
| 112        | 113/NQ-HĐQTCSVN                  | 25/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản  | 100%                   |
| 113        | 114/NQ-HĐQTCSVN                  | 25/05/2026  | NQ về tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 | 100%                   |
| 114        | 115/NQ-HĐQTCSVN                  | 25/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản  | 100%                   |
| 115        | 116/NQ-HĐQTCSVN                  | 27/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản  | 100%                   |
| 116        | 117/NQ-HĐQTCSVN                  | 27/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản  | 100%                   |
| 117        | 118/NQ-HĐQTCSVN                  | 27/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản  | 87,50%                 |
| 118        | 119/NQ-HĐQTCSVN                  | 28/05/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản  | 100%                   |
| 119        | 120/NQ-HĐQTCSVN                  | 29/05/2026  | NQ về công tác cán bộ                                    | 100%                   |
| 120        | 121/NQ-HĐQTCSVN                  | 01/06/2026  | NQ về công tác cán bộ                                    | 100%                   |
| 121        | 122/NQ-HĐQTCSVN                  | 02/06/2026  | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản  | 100%                   |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                | Tỉ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|---------------------------------------------------------|-----------------|
| 122 | 123/NQ-HĐQTCSVN           | 02/06/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 123 | 124/NQ-HĐQTCSVN           | 04/06/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 124 | 125/NQ-HĐQTCSVN           | 08/06/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 125 | 126/NQ-HĐQTCSVN           | 08/06/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 126 | 127/NQ-HĐQTCSVN           | 09/06/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 127 | 128/NQ-HĐQTCSVN           | 11/06/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 128 | 129/NQ-HĐQTCSVN           | 15/06/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 129 | 130/NQ-HĐQTCSVN           | 15/06/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 130 | 131/NQ-HĐQTCSVN           | 16/06/2026 | NQ về công tác cán bộ                                   | 100%            |
| 131 | 132/NQ-HĐQTCSVN           | 16/06/2026 | NQ về công tác cán bộ                                   | 100%            |
| 132 | 133/NQ-HĐQTCSVN           | 16/06/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 133 | 136/NQ-HĐQTCSVN           | 19/06/2026 | NQ về công tác cán bộ                                   | 100%            |
| 134 | 137/NQ-HĐQTCSVN           | 19/06/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 135 | 138/NQ-HĐQTCSVN           | 19/06/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 136 | 139/NQ-HĐQTCSVN           | 19/06/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 137 | 140/NQ-HĐQTCSVN           | 19/06/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 138 | 141/NQ-HĐQTCSVN           | 19/06/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 139 | 142/NQ-HĐQTCSVN           | 19/06/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 140 | 143/NQ-HĐQTCSVN           | 19/06/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 141 | 144/NQ-HĐQTCSVN           | 25/06/2026 | NQ về công tác cán bộ                                   | 100%            |
| 142 | 145/NQ-HĐQTCSVN           | 26/06/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |
| 143 | 146/NQ-HĐQTCSVN           | 26/06/2026 | NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 100%            |

### III. Ban kiểm soát:

### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

| STT | Thành viên BKS       | Chức vụ              | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn |
|-----|----------------------|----------------------|--------------------------------|---------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Văn Cường | Trưởng ban Kiểm soát | 05/11/2025                     | Cử nhân kinh tế     |
| 2   | Ông Võ Văn Tuấn      | Kiểm soát viên       | 12/01/2022                     | Thạc sĩ Nông nghiệp |
| 3   | Ông Nguyễn Minh Đức  | Kiểm soát viên       | 12/01/2022                     | Kỹ sư Xây dựng      |

### 2. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

| STT | Thành viên BKS       | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Văn Cường | 03                  | 100%              | 100%             |                         |
| 2   | Ông Võ Văn Tuấn      | 03                  | 100%              | 100%             |                         |
| 3   | Ông Nguyễn Minh Đức  | 03                  | 100%              | 100%             |                         |

### 3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành:

- Quá trình giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn 6 tháng đầu năm 2026, Ban Kiểm soát đánh giá Hội đồng quản trị luôn tuân thủ đầy đủ các quy định trong chỉ đạo, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ theo quy định. Trong các phiên họp Hội đồng quản trị nói riêng và hoạt động của Hội đồng quản trị nói chung, các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các nghị quyết và quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo sản xuất kinh doanh, đầu tư theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 vào ngày 17/6/2026 theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn và các quy định của pháp luật.

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp giao ban định kỳ và đột xuất để chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác kịp thời, đầy đủ, quyết liệt; Ban Tổng giám đốc đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy định của pháp luật.

Tập đoàn đã thực hiện việc công bố thông tin theo đúng các quy định hiện hành kịp thời và chính xác.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực hiện hoạt động của Ban. Ban Kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp của Ban lãnh đạo Tập đoàn, đã đưa ra các ý kiến đối với các chủ trương, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc để đảm bảo các chủ trương, quyết định được ban hành phù hợp với các quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích cao nhất của Tập đoàn. Ban Kiểm soát đã có ý kiến nhằm đảm bảo quá trình điều hành thực hiện đúng định hướng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5. Hoạt động khác của Ban Kiểm soát: ngoài những nội dung trên, Ban Kiểm soát Tập đoàn thực hiện một số nhiệm vụ khác trong 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

- Giám sát việc xây dựng và giao kế hoạch năm 2026 của Tập đoàn và các đơn vị; Thẩm định báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Công ty mẹ Tập đoàn năm 2025; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 để trình ĐHCĐ năm 2026; Giám sát công tác tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2026.

- Giám sát hoạt động SXKD tại đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn thông qua báo cáo kiểm tra, giám sát của Kiểm soát viên các đơn vị gửi về Ban Kiểm soát Tập đoàn trong quý 1/2026; Giám sát việc triển khai thực hiện chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam - CTCP giai đoạn 2026- 2030 và định hướng đến năm 2045; Giám sát việc thu hồi nợ từ Công ty Tài chính cao su; Tập đoàn đã trình Bộ Tài chính về bán nợ cho DATC và đang chờ kết quả chỉ đạo của Bộ Tài chính; Giám sát việc quy hoạch và thực hiện các dự án năng lượng tái tạo, NNUDCNC với mục đích sử dụng hiệu quả nhất tài sản đất đai của Tập đoàn; Giám sát công tác chuyển đổi số đã và đang được triển khai có hiệu quả ở công ty mẹ Tập đoàn và các đơn vị thành viên; Giám sát về chấp hành quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước theo kết luận của Thanh tra Chính phủ; Giám sát tình hình SXKD của Công ty mẹ Tập đoàn và hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026 so với kế hoạch năm 2026.

#### **IV. Ban điều hành**

| STT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn                                | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên BDH |
|-----|--------------------------|---------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1   | Ông Lê Thanh Hưng        | 1966                | Thạc sĩ kinh tế nông nghiệp                        | 13/01/2022                              |
| 2   | Ông Trần Thanh Phụng     | 1968                | Cử nhân kinh tế<br>Thạc sĩ QTKD                    | 18/02/2020                              |
| 3   | Ông Trương Minh Trung    | 1968                | Cử nhân cơ khí nông nghiệp<br>Thạc sĩ QTKD         | 01/6/2018                               |
| 4   | Ông Phạm Hải Dương       | 1966                | Thạc sỹ Nông nghiệp                                | 08/9/2023                               |
| 5   | Ông Đỗ Hữu Phước         | 1968                | Thạc sĩ – Kỹ thuật                                 | 01/6/2022                               |
| 6   | Ông Phạm Văn Hồi Em      | 1975                | Cử nhân kinh tế;<br>Chứng chỉ Kiểm toán viên (CPA) | 05/11/2025                              |
| 7   | Ông Trần Như Hùng        | 1980                | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                        | 05/11/2025                              |

#### V. Kế toán trưởng

| Họ tên            | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn         | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm                     |
|-------------------|---------------------|-----------------------------|----------------------------------------------|
| Bà Lưu Thị Tố Như | 1980                | Cử nhân tài chính ngân hàng | Bổ nhiệm là phụ trách kế toán:<br>17/06/2024 |

#### VI. Đào tạo về quản trị công ty: Không có

*Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty*

#### VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

##### 1. Danh sách về người có liên quan của công ty:

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH* | Ngày cấp NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ      | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-----|---------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------|--------------|---------|--------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 1   | Trần Công Kha       |                                          | Chủ Tịch HĐQT                |              |              |         | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM | 01/6/2018                               |                                           |       | Người nội bộ                      |
| 2   | Lê Thanh Hưng       |                                          | TV HĐQT Tổng Giám đốc        |              |              |         | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM | 18/02/2020                              |                                           |       | Người nội bộ                      |
| 3   | Hà Văn Khương       |                                          | Thành viên HĐQT              |              |              |         | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM | 01/6/2018                               |                                           |       | Người nội bộ                      |
| 4   | Đỗ Hữu Phước        |                                          | TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc   |              |              |         | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM | 01/6/2022                               |                                           |       | Người nội bộ                      |
| 5   | Trương Minh Trung   |                                          | TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc   |              |              |         | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM | 01/6/2018                               |                                           |       | Người nội bộ                      |
| 6   | Huỳnh Thị Cẩm Hồng  |                                          | Thành viên HĐQT              |              |              |         | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM | 05/11/2025                              |                                           |       | Người nội bộ                      |
| 7   | Nguyễn Đông Phong   |                                          | Thành viên HĐQT              |              |              |         | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM | 17/06/2024                              |                                           |       | Người nội bộ                      |
| 8   | Nguyễn Hay          |                                          | Thành viên HĐQT              |              |              |         | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM | 01/6/2018                               |                                           |       | Người nội bộ                      |
| 9   | Nguyễn Văn Cường    |                                          | Trưởng Ban Kiểm soát         |              |              |         | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM | 05/11/2025                              |                                           |       | Người nội bộ                      |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có)                          | Số Giấy NSH* | Ngày cấp NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ         | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-----|---------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------|--------------|---------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 10  | Võ Văn Tuấn         |                                          | Kiểm soát viên                                        |              |              |         | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM    | 12/01/2022                              |                                           |       | Người nội bộ                      |
| 11  | Nguyễn Minh Đức     |                                          | Kiểm soát viên                                        |              |              |         | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM    | 12/01/2022                              |                                           |       | Người nội bộ                      |
| 12  | Trần Thanh Phụng    |                                          | Phó Tổng Giám đốc                                     |              |              |         | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM    | 18/02/2020                              |                                           |       | Người nội bộ                      |
| 13  | Phạm Văn Hải Em     |                                          | Phó Tổng Giám đốc                                     |              |              |         | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM    | 01/01/2019                              |                                           |       | Người nội bộ                      |
| 14  | Trần Như Hùng       |                                          | Phó Tổng Giám đốc                                     |              |              |         | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM    | 05/11/2025                              |                                           |       | Người nội bộ                      |
| 15  | Phạm Hải Dương      |                                          | Phó Tổng Giám đốc                                     |              |              |         | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM    | 08/9/2023                               |                                           |       | Người nội bộ                      |
| 16  | Hoàng Đôn Huân      |                                          | Người phụ trách Quản trị Tập đoàn, Người được UQ CBTT |              |              |         | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM    | 20/9/2023                               |                                           |       | Người nội bộ                      |
| 17  | Lưu Thị Tố Như      |                                          | Phụ trách kế toán Tập đoàn                            |              |              |         | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM    | 17/06/2024                              |                                           |       | Người nội bộ                      |
| 18  | Bộ Tài chính        |                                          |                                                       |              |              |         | Số 28 Trần Hưng Đạo – Phường Cửa Nam - Hà Nội | 28/02/2025                              |                                           |       | Cổ đông trên 10%                  |

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân                           | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH* | Ngày cấp NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                  | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|------|-----------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------|--------------|---------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 19   | Danh sách công ty con                         |                                          |                              |              |              |         |                                                                        |                                         |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.1 | Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai |                                          |                              |              |              |         | 47 đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, tỉnh Đồng Nai | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.2 | Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long             |                                          |                              |              |              |         | Quốc lộ 13, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai                           | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.3 | Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng             |                                          |                              |              |              |         | Xã Dầu Tiếng, thành phố Hồ Chí Minh                                    | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.4 | Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh              |                                          |                              |              |              |         | Xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai                                             | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.5 | Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng             |                                          |                              |              |              |         | Xã Phú Riềng, tỉnh Đồng Nai                                            | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.6 | Công ty TNHH MTV Cao su Krong Buk             |                                          |                              |              |              |         | Xã Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk                                            | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.7 | Công ty TNHH MTV Cao su Ea H'Leo              |                                          |                              |              |              |         | 801 Giải Phóng, xã Ea Đrăng, tỉnh Đắk Lắk                              | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.8 | Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông             |                                          |                              |              |              |         | Xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai                                             | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.9 | Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê                |                                          |                              |              |              |         | 420 Hùng Vương, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai                                | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |

| STT   | Tên tổ chức/cá nhân                | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH* | Ngày cấp NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                         | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-------|------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------|--------------|---------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 19.10 | Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum    |                                          |                              |              |              |         | 639 Phan Đình Phùng, phường Đắk Cẩm, tỉnh Quảng Ngãi          | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.11 | Công ty TNHH MTV Cao su Mang Yang  |                                          |                              |              |              |         | 536 Nguyễn Huệ, xã Đắk Đoa, tỉnh Gia Lai                      | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.12 | Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh    |                                          |                              |              |              |         | 01 Nguyễn Thị Minh Khai, xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai             | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.13 | Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam  |                                          |                              |              |              |         | Quốc lộ 1 A, xã Thăng Bình, thành phố Đà Nẵng                 | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.14 | Công ty TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh    |                                          |                              |              |              |         | Km22, Quốc lộ 15A, xã Hà Linh, tỉnh Hà Tĩnh                   |                                         |                                           |       |                                   |
| 19.15 | Công ty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa  |                                          |                              |              |              |         | 135 Đường Lý Nam Đế, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá         | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.16 | Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị  |                                          |                              |              |              |         | 264 Hùng Vương, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị            |                                         |                                           |       |                                   |
| 19.17 | Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận |                                          |                              |              |              |         | Thị trấn Đức Tài, xã Hoài Đức, tỉnh Lâm Đồng                  | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.18 | Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam    |                                          |                              |              |              |         | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |

| STT   | Tên tổ chức/cá nhân                                  | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH* | Ngày cấp NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                           | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-------|------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------|--------------|---------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 19.19 | Trung tâm Y tế Cao su                                |                                          |                              |              |              |         | 410 Trường Chinh, phường Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh        | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.20 | Tạp chí Cao su Việt Nam                              |                                          |                              |              |              |         | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân hòa, thành phố Hồ Chí Minh   |                                         |                                           |       |                                   |
| 19.21 | Trường Cao đẳng Miền Đông                            |                                          |                              |              |              |         | 1428 Phú Riềng Đỏ, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai             | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.22 | Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn            |                                          |                              |              |              |         | Thôn Ngật, xã Sông Kôn, thành phố Đà Nẵng                       | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.23 | Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc                        |                                          |                              |              |              |         | 263 Hoàng Văn Thụ, phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng              | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.24 | Công ty Cổ phần VRG - Đắk Nông                       |                                          |                              |              |              |         | TDP 10, đường Mạc Thị Bưởi, phường Bắc Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.25 | Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su |                                          |                              |              |              |         | 64 Trương Định, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh          | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.26 | Công ty TNHH MTV Thương mại Địa ốc Hồng Phúc         |                                          |                              |              |              |         | 50 - 52 Võ Văn Tần, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh      | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |

| STT   | Tên tổ chức/cá nhân                    | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH* | Ngày cấp NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                          | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-------|----------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------|--------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 19.27 | Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đông Hòa  |                                          |                              |              |              |         | 502A Lý Thường Kiệt, khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thành phố Hồ Chí Minh | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.28 | Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru |                                          |                              |              |              |         | 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, phường Tây Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh                    | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.29 | Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị   |                                          |                              |              |              |         | KCN Nam Đông Hà, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị                            | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.30 | Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa       |                                          |                              |              |              |         | Ấp 2A, xã Phước Hòa, thành phố Hồ Chí Minh                                     | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.31 | Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào        |                                          |                              |              |              |         | 207 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh                   | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.32 | Công ty TNHH Cao su Việt Lào           |                                          |                              |              |              |         | Km6, Bản Huội Nhắng Khăm, thành phố Pakse, tỉnh Champasak, Lào                 | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.33 | Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình        |                                          |                              |              |              |         | Ấp 7, xã Hòa Hội, thành phố Hồ Chí Minh                                        | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.34 | Công ty Cổ phần Cao su Hàng Gòn        |                                          |                              |              |              |         | Phường Hàng Gòn, tỉnh Đồng Nai                                                 | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |

| STT   | Tên tổ chức/cá nhân                                   | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH* | Ngày cấp NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                 | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------|--------------|---------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 19.35 | Công ty Cổ phần Quasa Geruco                          |                                          |                              |              |              |         | D21, Trung tâm Thương Mại Đông Nam Á, xã Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị      | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.36 | Công ty TNHH Cổ phần Quasa Geruco                     |                                          |                              |              |              |         | Bản Vâm Hồng Khâm, huyện Phine, tỉnh Savannakhet, Lào                 | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.37 | Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su  |                                          |                              |              |              |         | Đại lộ Hoà Bình, phường Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh                     | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.38 | Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên          |                                          |                              |              |              |         | Phường Tân Hiệp, thành phố Hồ Chí Minh                                | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.39 | Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An                  |                                          |                              |              |              |         | Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Hồ Chí Minh           | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.40 | Công ty Cổ phần Gỗ Dầu Tiếng                          |                                          |                              |              |              |         | Khu phố 3, xã Dầu Tiếng, thành phố Hồ Chí Minh                        | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.41 | Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Khách sạn Hưng Yên |                                          |                              |              |              |         | 611 Phan Đình Phùng, phường Đắk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi                  | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.42 | Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su                         |                                          |                              |              |              |         | 12 Đường HT25, Khu phố 2, phường Tân Thới Hiệp, thành phố Hồ Chí Minh | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |

| STT   | Tên tổ chức/cá nhân                                  | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH* | Ngày cấp NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                 | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-------|------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------|--------------|---------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 19.43 | Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú                      |                                          |                              |              |              |         | Xã Thuận Lợi, tỉnh Đồng Nai                           | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.44 | Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh                      |                                          |                              |              |              |         | Quốc lộ 22B, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh            | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.45 | Công ty Cổ phần Cao su Sơn La                        |                                          |                              |              |              |         | Tổ 11, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La                    | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.46 | Công ty Cổ phần Cao su Điện Biên                     |                                          |                              |              |              |         | Đội 19, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên                  | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.47 | Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu                      |                                          |                              |              |              |         | Tổ 5, phường Đoàn kết, tỉnh Lai Châu                  | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.48 | Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy                       |                                          |                              |              |              |         | 308E Phan Đình Phùng, phường Đắk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.49 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cao su Nghệ An  |                                          |                              |              |              |         | 17 Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An    | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.50 | Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampong Thom         |                                          |                              |              |              |         | Tổ 8, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hội, tỉnh Tây Ninh         | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.51 | Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên Kampong Thom |                                          |                              |              |              |         | Huyện Santuk, tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.52 | Công ty TNHH MTV Cao su Mê Kông                      |                                          |                              |              |              |         | Tổ 8, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hội, tỉnh Tây Ninh         | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |

| STT   | Tên tổ chức/cá nhân                        | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH* | Ngày cấp NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                            | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-------|--------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------|--------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 19.53 | Công ty TNHH Cao su Mê Kông                |                                          |                              |              |              |         | Xã Kroyer, huyện Prasat Balang, tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia          | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.54 | Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa              |                                          |                              |              |              |         | Ấp Đức Trung, xã Ngãi Giao, thành phố Hồ Chí Minh                                | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.55 | Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie    |                                          |                              |              |              |         | Thôn Phú Nguyên, xã Phú Riềng, tỉnh Đồng Nai                                     | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.56 | Công ty Cổ phần VRG Phú Yên                |                                          |                              |              |              |         | Lô 01-11, khu phố mới Hùng Vương, đường Hùng Vương, phường Tuy Hoà, tỉnh Đắk Lắk | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.57 | Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên            |                                          |                              |              |              |         | Tổ 2, ấp Thanh Phú, xã Tân Hội, tỉnh Tây Ninh                                    | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.58 | Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Dầu Giây   |                                          |                              |              |              |         | Km2, tỉnh lộ 769, xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai                                     | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.59 | Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Long Khánh |                                          |                              |              |              |         | Khu công nghiệp Long Khánh, phường Bình Lộc, tỉnh Đồng Nai                       | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.60 | Công ty Cổ phần Cao su Hà Giang            |                                          |                              |              |              |         | Nhóm 4, Tổ 9, xã Bắc Quang, tỉnh Tuyên Quang                                     | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |

| STT   | Tên tổ chức/cá nhân                            | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH* | Ngày cấp NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                         | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-------|------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------|--------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 19.61 | Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát             |                                          |                              |              |              |         | Ấp 1, phường Chánh Phú Hòa, thành phố Hồ Chí Minh                             | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.62 | Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Kratie         |                                          |                              |              |              |         | Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Lợi, tỉnh Đồng Nai                                   | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.63 | Công ty TNHH Phát triển Cao su Đồng Phú Kratie |                                          |                              |              |              |         | Huyện Kratie, tỉnh Kratie, Vương Quốc Campuchia                               | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.64 | Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai Kratie         |                                          |                              |              |              |         | Ấp Trung Tâm, phường Xuân Lập, tỉnh Đồng Nai                                  | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.65 | Công ty TNHH Phát triển Cao su Đồng Nai Kratie |                                          |                              |              |              |         | Huyện Kratie, tỉnh Kratie, Vương Quốc Campuchia                               | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.66 | Công ty Cổ phần Thủy điện VRG Ngọc Linh        |                                          |                              |              |              |         | Xã Đăk Pék, tỉnh Quảng Ngãi                                                   | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.67 | Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú       |                                          |                              |              |              |         | Xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai                                                    | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.68 | Công ty Cổ phần Cao su Bảo Lâm                 |                                          |                              |              |              |         | Xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng                                                   | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.69 | Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp An Điền        |                                          |                              |              |              |         | Khu Công Nghiệp Rạch Bắp, đường D1, phường Long Nguyễn, thành phố Hồ Chí Minh | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |

| STT   | Tên tổ chức/cá nhân                                 | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH* | Ngày cấp NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                     | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------|--------------|---------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 19.70 | Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang               |                                          |                              |              |              |         | Lô M, đường số 1, Khu Công nghiệp Thanh Lộc, xã Thanh Hưng, tỉnh An Giang | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.71 | Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh    |                                          |                              |              |              |         | Xã Phú Riềng, tỉnh Đồng Nai                                               | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.72 | Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh |                                          |                              |              |              |         | Ấp Bến Mương, xã Thanh Đức, tỉnh Tây Ninh                                 | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.73 | Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Cao su Dầu Tiếng     |                                          |                              |              |              |         | Khu phố 4A xã Dầu Tiếng, thành phố Hồ Chí Minh                            | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.74 | Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu II                  |                                          |                              |              |              |         | Xã Bum Tờ, tỉnh Lai Châu                                                  | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.75 | Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa Kampong Thom          |                                          |                              |              |              |         | Quốc lộ 56, xã Ngãi Giao, Thành phố Hồ Chí Minh                           | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.76 | Công ty TNHH Phát triển Cao su Bà Rịa Kampong Thom  |                                          |                              |              |              |         | Huyện Santuk, tỉnh Kampong Thom, vương quốc Campuchia                     | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.77 | Công ty Cổ phần Cao su Chư Sê Kampong Thom          |                                          |                              |              |              |         | 420 Hùng Vương, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai                                   | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.78 | Công ty TNHH Phát triển Cao su C.R.C.K.2            |                                          |                              |              |              |         | Huyện Stoung, tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia                     | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |

| STT   | Tên tổ chức/cá nhân                                         | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH* | Ngày cấp NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                  | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------|--------------|---------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 19.79 | Công ty TNHH MTV Cao su Bean Heack                          |                                          |                              |              |              |         | 420 Hùng Vương, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai                                | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.80 | Công ty TNHH Đầu tư Bean Heack                              |                                          |                              |              |              |         | Huyện Stoung, tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia                  | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.81 | Công ty Cổ phần Cao su Mang Yang Ratanakiri                 |                                          |                              |              |              |         | 536 Nguyễn Huệ, xã Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai                               | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.82 | Công ty TNHH MTV Cao su ChưMomRay                           |                                          |                              |              |              |         | Thôn 7, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum                       | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.83 | Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cao su Hoàng Anh Mang Yang K |                                          |                              |              |              |         | Tỉnh Rattanakiri, Campuchia                                            | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.84 | Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đăk Đoa                        |                                          |                              |              |              |         | Thôn II, xã Tân Bình, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai                      | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.85 | Công ty TNHH Phát triển Cao su Phước Hòa Kampong Thom       |                                          |                              |              |              |         | Xã Boeung Lavea, huyện Santuk, tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.86 | Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú                |                                          |                              |              |              |         | Khu phố Bàu Ké, xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai                             | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |

| STT   | Tên tổ chức/cá nhân                                 | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH* | Ngày cấp NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                               | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------|--------------|---------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 19.87 | Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cao su Bình Long    |                                          |                              |              |              |         | Ấp 3A, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai                              | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.88 | Công ty Cổ phần Cao su Yên Bái                      |                                          |                              |              |              |         | Thôn 2, phường Văn Phú, Tỉnh Lào Cai                                | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.89 | Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lào Cai            |                                          |                              |              |              |         | 186 Hoàng Liên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai                        | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.90 | Công ty Cổ phần Cao su Krông Buk Ratanakiri         |                                          |                              |              |              |         | Xã Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk                                         | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.91 | Công ty TNHH Phát triển Cao su Krông Buk Ratanakiri |                                          |                              |              |              |         | Xã Talav, huyện Andoung Meas, tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.92 | Công ty Cổ phần Cao su Chư Prông Stung Treng        |                                          |                              |              |              |         | Xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai                                          | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.93 | Công ty TNHH Cao su Chư Prông K                     |                                          |                              |              |              |         | Số 92 Norodom, quận Daun Penh, Phnôm Pênh, Vương quốc Campuchia     | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.94 | Công ty TNHH Cao su Bình Phước Kratie 1             |                                          |                              |              |              |         | Huyện Kaev Seima, tỉnh Modul Kiri, Vương quốc Campuchia             | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.95 | Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Kratie             |                                          |                              |              |              |         | Số 33, Tổ 26, xã Dầu Tiếng, thành phố Hồ Chí Minh                   | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |

| STT    | Tên tổ chức/cá nhân                                | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH* | Ngày cấp NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                   | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|--------|----------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------|--------------|---------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 19.96  | Công ty TNHH Phát triển Cao su Dầu Tiếng Kratie    |                                          |                              |              |              |         | Huyện Chlong, tỉnh Kratie, Vương quốc Campuchia.                        | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.97  | Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Campuchia         |                                          |                              |              |              |         | Khu phố 2, xã Dầu Tiếng, thành phố Hồ Chí Minh                          | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.98  | Công ty TNHH Phát triển Cao su Dầu Tiếng Campuchia |                                          |                              |              |              |         | Huyện Snoul, tỉnh Kratie, Vương quốc Campuchia.                         | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.99  | Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Cao su Đồng Nai        |                                          |                              |              |              |         | Đường số 7, Khu Công nghiệp Long Khánh, phường Bình Lộc, tỉnh Đồng Nai  | 01/06/2018                              |                                           |       | Công ty con                       |
| 19.100 | Công ty TNHH Phát triển Cao su C.R.C.K             |                                          |                              |              |              |         | Xã Don Cam Pech, huyện San Dan, Tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia | 01/06/2018                              |                                           |       |                                   |
| 19.101 | Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Tân Bình           |                                          |                              |              |              |         | Phường Vĩnh Tân, thành phố Hồ Chí Minh                                  | 01/06/2018                              |                                           |       |                                   |
| 19.102 | Công ty Cổ phần VRG Khải Hoàn                      |                                          |                              |              |              |         | Ấp Cầu Sắt, phường Bến Cát, thành phố Hồ Chí Minh                       | 01/06/2018                              |                                           |       |                                   |
| 19.103 | Công ty TNHH Cao su Bolikhamxay Hà Tĩnh            |                                          |                              |              |              |         | Tỉnh Bolikhamxay, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào                    | 01/06/2018                              |                                           |       |                                   |

| STT    | Tên tổ chức/cá nhân                               | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH* | Ngày cấp NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                                  | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|--------|---------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------|--------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 19.104 | Công ty TNHH Phát triển Cao su Tây Ninh Siêm Riệp |                                          |                              |              |              |         | Xã Trapeang Prasat, huyện Trapeang Prasat, tỉnh Oddar Mean Cheay, Vương quốc Campuchia | 01/06/2018                              |                                           |       |                                   |
| 19.105 | Công ty TNHH MTV Best Royal (K)                   |                                          |                              |              |              |         | Xã Trapeang Prasat, huyện Trapeang Prasat, tỉnh Oddar Mean Cheay, Vương quốc Campuchia | 01/06/2018                              |                                           |       |                                   |
| 19.106 | Công ty TNHH MTV VRG Oudomxay                     |                                          |                              |              |              |         | Tỉnh Oudomxay, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào                                      | 01/06/2018                              |                                           |       |                                   |
| 19.107 | Công ty TNHH VKETI                                |                                          |                              |              |              |         | Tỉnh Kratie, Vương quốc Campuchia                                                      | 01/06/2018                              |                                           |       |                                   |
| 19.108 | Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lai Châu         |                                          |                              |              |              |         | Khu 2, xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu                                                     | 01/06/2018                              |                                           |       |                                   |
| 19.109 | Công ty TNHH Cao su Ea H'Leo BM                   |                                          |                              |              |              |         | Tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia                                                  | 01/06/2018                              |                                           |       |                                   |
| 19.110 | Công ty TNHH MTV Cao su Phước Hòa Đắk Lắk         |                                          |                              |              |              |         | 138 Hùng Vương, xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk                                                | 01/06/2018                              |                                           |       |                                   |
| 19.111 | Công ty Cổ phần Cao su Mường Nhé Điện Biên        |                                          |                              |              |              |         | thôn Mường Nhé, xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên                                           | 01/06/2018                              |                                           |       |                                   |

| STT    | Tên tổ chức/cá nhân                                   | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH* | Ngày cấp NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                        | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|--------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------|--------------|---------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 19.112 | Công ty TNHH MTV Cao su Qua Van - Quảng Trị (Lào)     |                                          |                              |              |              |         | Tỉnh Salavan, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào                             | 01/06/2018                              |                                           |       |                                   |
| 19.113 | Công ty Cổ phần Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản         |                                          |                              |              |              |         | 269A Nguyễn Trọng Tuyển, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh             | 01/06/2018                              |                                           |       |                                   |
| 19.114 | Công ty Cổ phần Gỗ Lộc Ninh                           |                                          |                              |              |              |         | Đường Điện Biên Phủ, thôn Ninh Thuận, xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai             | 01/06/2018                              |                                           |       |                                   |
| 19.115 | Công ty TNHH Cao su và Lâm nghiệp Phước Hòa - Đắk Lắk |                                          |                              |              |              |         | Thôn 2, xã Ea Rók, tỉnh Đắk Lắk                                              | 01/06/2018                              |                                           |       |                                   |
| 19.116 | Công ty TNHH Sản xuất Gỗ Cao su Kon Tum               |                                          |                              |              |              |         | Thôn 01, xã Đắk Hà, tỉnh Quảng Ngãi                                          | 01/06/2018                              |                                           |       |                                   |
| 19.117 | Công ty Cổ phần Thành phố Nội thất Việt Nam           |                                          |                              |              |              |         | Tòa nhà U&I, 158 đường Ngô Gia Tự, phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh | 01/06/2018                              |                                           |       |                                   |

*Ghi chú/Note: Số Giấy NSH\*: Số CCCD/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Thực hiện theo Nghị quyết 17/NQ-HĐQTCSVN ngày 28/01/2026 và văn bản 75/HĐQTCSVN-TCKT ngày 28/01/2026 của Hội đồng Quản trị, các giao dịch nếu có sẽ được báo cáo đầy đủ trong ĐHCĐ thường niên qua báo cáo tài chính có kiểm toán.

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
|     |                     |                                   |                                 |                                       |                                 |                                                                                      |                                            |         |

*Ghi chú: Số Giấy NSH\*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Chức vụ tại CTNY | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ | Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát | Thời điểm giao dịch | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|---------------------------|--------------------------|------------------|-------------------------------------|---------|------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------|---------|
|     |                           |                          |                  |                                     |         |                                                      |                     |                                            |         |

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Thực hiện theo Nghị quyết 16/NQ-HĐQTCSVN ngày 10/02/2025 và văn bản 52/HĐQTCSVN-TCKT ngày 10/02/2025, Nghị quyết 17/NQ-HĐQTCSVN ngày 28/01/2026 và văn bản 75/HĐQTCSVN-TCKT ngày 28/01/2026 của Hội đồng Quản trị, các giao dịch nếu có sẽ được báo cáo đầy đủ tại ĐHCĐ thường niên thông qua báo cáo tài chính năm 2025 và báo cáo tài chính bán niên 6 tháng đầu năm 2026 có kiểm toán.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: Không có.

## VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

### 1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

| STT | Họ tên                | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số giấy NSH (*) | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ                            | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|-----------------------|------------------------------------------|------------------------------|-----------------|-------------------|---------|--------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| (1) | (2)                   | (3)                                      | (4)                          | (5)             | (6)               | (7)     | (8)                                        | (9)                        | (10)                          | (11)    |
| 1   | Trần Công Kha         |                                          | Chủ tịch HĐQT                |                 |                   |         | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Xuân Hòa, TP. HCM | 5.100                      | 0,00013%                      |         |
| 1.1 | Hồ Thị Ngoạn          |                                          |                              |                 |                   |         |                                            | 0                          |                               |         |
| 1.2 | Kha Quỳnh Anh         |                                          |                              |                 |                   |         |                                            | 0                          |                               |         |
| 1.3 | Trần Thị Kiều Oanh    |                                          |                              |                 |                   |         |                                            | 0                          |                               |         |
| 1.4 | Lê Văn Nhu            |                                          |                              |                 |                   |         |                                            | 0                          |                               |         |
| 1.5 | Nguyễn Anh Thoa       |                                          |                              |                 |                   |         |                                            | 0                          |                               |         |
| 1.6 | Trần Nguyễn Minh Quân |                                          |                              |                 |                   |         |                                            | 0                          |                               |         |
| 1.7 | Trần Nguyễn Minh Hạnh |                                          |                              |                 |                   |         |                                            | 0                          |                               | Còn nhỏ |
| 2   | Lê Thanh Hưng         |                                          | TV HĐQT - Tổng Giám đốc      |                 |                   |         | 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Xuân Hòa, TP. HCM | 5.800                      | 0,00015%                      |         |
| 2.1 | Võ Thị Liên           |                                          |                              |                 |                   |         |                                            | 0                          |                               |         |

| STT      | Họ tên               | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ                                               | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú                |
|----------|----------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| (1)      | (2)                  | (3)                                                  | (4)                                | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)                                                           | (9)                                 | (10)                                | (11)                   |
| 2.2      | Lê Võ Thúy Tâm       |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |                        |
| 2.3      | Lê Võ Minh Trí       |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |                        |
| 2.4      | Nguyễn Thuận Phú     |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |                        |
| 2.5      | Lê Ngọc Anh          |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |                        |
| 2.6      | Lê Thị Tình          |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     | Định cư ở<br>Australia |
| 2.7      | Lê Công Chính        |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |                        |
| 2.8      | Đinh Văn Hùng        |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |                        |
| 2.9      | Trần Ngọc Sơn        |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     | Định cư ở<br>Australia |
| <b>3</b> | <b>Hà Văn Khương</b> |                                                      | <b>TV HĐQT</b>                     |                    |                      |         | <b>236 Nam Kỳ<br/>Khởi Nghĩa,<br/>P.Xuân Hòa,<br/>TP. HCM</b> | <b>7.300</b>                        | <b>0,00018%</b>                     |                        |
| 3.1      | Lê Thị Thu Chung     |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |                        |

| STT  | Họ tên              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)        | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ                                               | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú |
|------|---------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| (1)  | (2)                 | (3)                                                  | (4)                                       | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)                                                           | (9)                                 | (10)                                | (11)    |
| 3.2  | Hà Quỳnh Anh        |                                                      |                                           |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |         |
| 3.3  | Hà Khương Duy       |                                                      |                                           |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |         |
| 3.4  | Hà Thị Hồng Nhung   |                                                      |                                           |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |         |
| 3.5  | Hà Thị Sâm          |                                                      |                                           |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |         |
| 3.6  | Hà Văn Quế          |                                                      |                                           |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |         |
| 3.7  | Hà Văn Phụ          |                                                      |                                           |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |         |
| 3.8  | Đào Thị Chuyền      |                                                      |                                           |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |         |
| 3.9  | Lại Thị Ngọc Minh   |                                                      |                                           |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |         |
| 3.10 | Nguyễn Thị Đến      |                                                      |                                           |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |         |
| 3.11 | Nguyễn Hữu Hợp      |                                                      |                                           |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |         |
| 4    | <b>Đỗ Hữu Phước</b> |                                                      | <b>TV HĐQT,<br/>Phó Tổng<br/>Giám đốc</b> |                    |                      |         | <b>236 Nam Kỳ<br/>Khởi Nghĩa,<br/>P.Xuân Hòa,<br/>TP. HCM</b> | <b>12.800</b>                       | <b>0,00032%</b>                     |         |

| STT  | Họ tên              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú |
|------|---------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------|-------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| (1)  | (2)                 | (3)                                                  | (4)                                | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)             | (9)                                 | (10)                                | (11)    |
| 4.1  | Đỗ Hữu Hưng         |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     | Già yếu |
| 4.2  | Nguyễn Thị Mỹ Thu   |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 4.3  | Hồ Thị Thanh Phương |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 4.4  | Đỗ Hữu Thiện        |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 4.5  | Đỗ Hữu Tâm          |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 4.6  | Đỗ Hữu Đồng         |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 4.7  | Huỳnh Thị Thúy Nga  |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 4.8  | Đỗ Thị Hồng Chi     |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 4.9  | Trần Thế Tạo        |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 4.10 | Đỗ Thị Lệ Thủy      |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |

| STT      | Họ tên                                              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)        | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ                                               | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú                                   |
|----------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------|
| (1)      | (2)                                                 | (3)                                                  | (4)                                       | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)                                                           | (9)                                 | (10)                                | (11)                                      |
| 4.11     | Đỗ Hữu Lộc                                          |                                                      |                                           |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |                                           |
| 4.12     | Lê Thị Mỹ Châu                                      |                                                      |                                           |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |                                           |
| 4.13     | Đỗ Thị Lệ Xuân                                      |                                                      |                                           |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |                                           |
| 4.14     | Công ty CP Gỗ MDF<br>Dongwha                        |                                                      |                                           |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     | Thôi là Chủ<br>tịch HĐQT từ<br>20/01/2026 |
| 4.15     | Công ty TNHH MTV<br>Tổng Công ty Cao su<br>Đồng Nai |                                                      |                                           |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     | Thôi là Chủ<br>tịch HĐQT từ<br>02/3/2026  |
| 4.16     | Xí nghiệp Liên doanh<br>Visorutex                   |                                                      |                                           |                    |                      |         |                                                               |                                     |                                     | Người đại diện<br>vốn                     |
| <b>5</b> | <b>Trương Minh Trung</b>                            |                                                      | <b>TV HĐQT,<br/>Phó Tổng<br/>Giám đốc</b> |                    |                      |         | <b>236 Nam Kỳ<br/>Khởi Nghĩa,<br/>P.Xuân Hòa,<br/>TP. HCM</b> | <b>7.600</b>                        | <b>0,00019%</b>                     |                                           |
| 5.1      | Phan Ngọc Thạch                                     |                                                      |                                           |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |                                           |
| 5.2      | Võ Thị Xuân Trang                                   |                                                      |                                           |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |                                           |
| 5.3      | Trương Minh Xuân Thảo                               |                                                      |                                           |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |                                           |

| STT      | Họ tên                    | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ                                           | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú |
|----------|---------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| (1)      | (2)                       | (3)                                                  | (4)                                | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)                                                       | (9)                                 | (10)                                | (11)    |
| 5.4      | Phan Quang Thành          |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                           | 0                                   |                                     |         |
| <b>6</b> | <b>Huỳnh Thị Cẩm Hồng</b> |                                                      | <b>Thành viên<br/>HĐQT</b>         |                    |                      |         | <b>236 Nam Kỳ<br/>Khởi Nghĩa, P<br/>Xuân Hòa,<br/>HCM</b> | <b>6.700</b>                        | <b>0,00017%</b>                     |         |
| 6.1      | Bùi Quang Vinh            |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                           | 6.600                               | 0,00017%                            |         |
| 6.2      | Bùi Ngọc Vinh Hoa         |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                           |                                     |                                     |         |
| 6.3      | Bùi Hồng Phúc             |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                           |                                     |                                     |         |
| 6.4      | Trần Thị Phượng           |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                           |                                     |                                     |         |
| 6.5      | Huỳnh Văn Quang           |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                           |                                     |                                     |         |
| 6.6      | Huỳnh Thị Hiên            |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                           |                                     |                                     |         |
| 6.7      | Huỳnh Thị Hiên            |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                           |                                     |                                     |         |
| 6.8      | Huỳnh Văn Tuấn            |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                           |                                     |                                     |         |
| 6.9      | Huỳnh Thị Cẩm Tú          |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                           |                                     |                                     |         |

| STT  | Họ tên                               | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ                                     | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú               |
|------|--------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| (1)  | (2)                                  | (3)                                                  | (4)                                | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)                                                 | (9)                                 | (10)                                | (11)                  |
| 6.10 | Trương Trung                         |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     |                                     |                                     |                       |
| 6.11 | Lưu Thị Hồng Cúc                     |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     |                                     |                                     |                       |
| 6.12 | Nguyễn Thị Thùy Nhiên                |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     |                                     |                                     |                       |
| 6.13 | Nguyễn Văn Thành                     |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     |                                     |                                     |                       |
| 6.14 | Nguyễn Văn Đức                       |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     |                                     |                                     |                       |
| 6.15 | Nguyễn Thị Kim Thiết                 |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     |                                     |                                     |                       |
| 6.16 | Lê Văn Dũng                          |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     |                                     |                                     |                       |
| 6.17 | Công ty TNHH MTV<br>Cao su Dầu Tiếng |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     |                                     |                                     | Chủ tịch<br>HĐTV      |
| 6.18 | Công đoàn Cao su Việt<br>Nam         |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     |                                     |                                     | Chủ tịch Công<br>đoàn |
| 7    | Nguyễn Hay                           |                                                      | TV HĐQT<br>độc lập                 |                    |                      |         | 236 Nam Kỳ<br>Khởi Nghĩa,<br>P.Xuân Hòa,<br>TP. HCM | 0                                   | 0,00%                               |                       |

| STT  | Họ tên              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú               |
|------|---------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| (1)  | (2)                 | (3)                                                  | (4)                                | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)             | (9)                                 | (10)                                | (11)                  |
| 7.1  | Trần Thị Phước Hạnh |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                       |
| 7.2  | Nguyễn Trần Phước   |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                       |
| 7.3  | Nguyễn Minh Khoa    |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                       |
| 7.4  | Nghiêm Thị Bích Hà  |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 |                                     |                                     |                       |
| 7.5  | Nguyễn Thị Luân     |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                       |
| 7.6  | Nguyễn Bình         |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     | Định cư nước<br>ngoài |
| 7.7  | Nguyễn Thị Đây      |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                       |
| 7.8  | Nguyễn Tài          |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                       |
| 7.9  | Nguyễn Thị Phúc     |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                       |
| 7.10 | Hồ Sỹ Lân           |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                       |

| STT      | Họ tên                   | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ                                               | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú               |
|----------|--------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| (1)      | (2)                      | (3)                                                  | (4)                                | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)                                                           | (9)                                 | (10)                                | (11)                  |
| 7.11     | Lê Ngọc Hùng             |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |                       |
| 7.12     | Trần Thị Lại             |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     | Định cư nước<br>ngoài |
| 7.13     | Nguyễn Thị Nghị          |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |                       |
| 7.14     | Nguyễn Thị Thái          |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |                       |
| <b>8</b> | <b>Nguyễn Đông Phong</b> |                                                      | <b>TV HĐQT<br/>độc lập</b>         |                    |                      |         | <b>236 Nam Kỳ<br/>Khởi Nghĩa,<br/>P.Xuân Hòa,<br/>TP. HCM</b> | <b>0</b>                            | <b>0,00%</b>                        |                       |
| 8.1      | Phạm Thị Thu             |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |                       |
| 8.2      | Nguyễn Hùng Giang        |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |                       |
| 8.3      | Nguyễn Thị Bảo Trân      |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |                       |
| 8.4      | Nguyễn Thị Thu Hằng      |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |                       |
| 8.5      | Nguyễn Xuân Vũ           |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                               | 0                                   |                                     |                       |

| STT  | Họ tên                    | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú                                   |
|------|---------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------|
| (1)  | (2)                       | (3)                                                  | (4)                                | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)             | (9)                                 | (10)                                | (11)                                      |
| 8.6  | Nguyễn Thị Thu Thủy       |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                                           |
| 8.7  | Nguyễn Thị Thu Huyền      |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                                           |
| 8.8  | Nguyễn Thị Thu Tâm        |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                                           |
| 8.9  | Nguyễn Đông Sơn           |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                                           |
| 8.10 | Nguyễn Văn Cội            |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 |                                     |                                     | Không cung<br>cấp thông tin               |
| 8.11 | Huỳnh Văn Nhỏ             |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 |                                     |                                     | Không cung<br>cấp thông tin               |
| 8.12 | Nguyễn Kim Loan           |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 |                                     |                                     | Không cung<br>cấp thông tin               |
| 8.13 | Lê Tấn Đức                |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 |                                     |                                     | Không cung<br>cấp thông tin               |
| 8.14 | Huỳnh Thị Huyền Như       |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 |                                     |                                     | Không cung<br>cấp thông tin               |
| 8.15 | Đại học Kinh tế TP<br>HCM |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     | Chủ tịch hội<br>đồng tư vấn<br>chiến lược |

| STT | Họ tên           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ                                     | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú |
|-----|------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| (1) | (2)              | (3)                                                  | (4)                                | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)                                                 | (9)                                 | (10)                                | (11)    |
| 9   | Trần Thanh Phụng |                                                      | Phó Tổng<br>Giám đốc               |                    |                      |         | 236 Nam Kỳ<br>Khởi Nghĩa,<br>P.Xuân Hòa,<br>TP. HCM | 7.700                               | 0,00019%                            |         |
| 9.1 | Trần Xuân Thái   |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 9.2 | Chung Mỹ Dung    |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 9.3 | Trần Tuệ Hiền    |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 9.4 | Trần Đăng Lâm    |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 9.5 | Trần Khôi Nguyên |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 9.6 | Nguyễn Trà Giang |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 9.7 | Trần Thị Hoa Mai |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 9.8 | Trần Thị Kim Cúc |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |

| STT  | Họ tên              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ                                     | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú |
|------|---------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| (1)  | (2)                 | (3)                                                  | (4)                                | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)                                                 | (9)                                 | (10)                                | (11)    |
| 9.9  | Trần Hồng Phúc      |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 9.10 | Trần Ngọc Đức       |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 9.11 | Trần Thị Mỹ Hạnh    |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 9.12 | Nguyễn Văn Thân     |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 9.13 | Phạm Quốc Dũng      |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 9.14 | Nguyễn Thị Ánh Ngọc |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 9.15 | Mai Thị Bình Thuận  |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 9.16 | Võ Đức Cường        |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 10   | Phạm Hải Dương      |                                                      | Phó Tổng<br>Giám đốc               |                    |                      |         | 236 Nam Kỳ<br>Khởi Nghĩa,<br>P.Xuân Hòa,<br>TP. HCM | 6.800                               | 0,00017%                            |         |

| STT   | Họ tên                     | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú          |
|-------|----------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------|-------------------------------------|-------------------------------------|------------------|
| (1)   | (2)                        | (3)                                                  | (4)                                | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)             | (9)                                 | (10)                                | (11)             |
| 10.1  | Mai Thị Hương              |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                  |
| 10.2  | Phạm Hương Hải Tiên        |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                  |
| 10.3  | Phạm Hải Sơn               |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                  |
| 10.4  | Nguyễn Huy Hoàng           |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                  |
| 10.5  | Phạm Lâm Ngọc              |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                  |
| 10.6  | Phạm Thị Lệ Uyên           |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                  |
| 10.7  | Phạm Thị Lệ Dung           |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                  |
| 10.8  | Trần Thị Thúy              |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                  |
| 10.9  | Nguyễn Văn Hòa             |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                  |
| 10.10 | Công ty CP Quasa<br>Geruco |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 |                                     |                                     | Chủ tịch<br>HĐQT |

| STT   | Họ tên                            | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ                               | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú                           |
|-------|-----------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|
| (1)   | (2)                               | (3)                                                  | (4)                                | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)                                           | (9)                                 | (10)                                | (11)                              |
| 10.11 | Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam   |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                               |                                     |                                     | Thôi làm Viện trưởng từ 29/4/2026 |
| 10.12 | Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa     |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                               |                                     |                                     | Chủ tịch HĐQT                     |
| 10.13 | Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                               |                                     |                                     | Chủ tịch HĐQT                     |
| 11    | <b>Trần Như Hùng</b>              |                                                      | <b>Phó Tổng Giám đốc</b>           |                    |                      |         | <b>236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P Xuân Hòa, HCM</b> |                                     |                                     |                                   |
| 11.01 | Lê Thị Hòa Bình                   |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                               |                                     |                                     |                                   |
| 11.02 | Trần Xuân Trúc                    |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                               |                                     |                                     |                                   |
| 11.03 | Trần Xuân Thảo                    |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                               |                                     |                                     |                                   |
| 11.04 | Trần Lê Hải Lam                   |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                               |                                     |                                     |                                   |
| 11.05 | Trần Thị Bích Ngọc                |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                               |                                     |                                     |                                   |
| 11.06 | Trần Như Hoàng                    |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                               |                                     |                                     |                                   |
| 11.07 | Vũ Thị Thu Hòa                    |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                               |                                     |                                     |                                   |

| STT   | Họ tên           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ                                     | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú |
|-------|------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| (1)   | (2)              | (3)                                                  | (4)                                | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)                                                 | (9)                                 | (10)                                | (11)    |
| 11.08 | Lê Hồng Chư      |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     |                                     |                                     |         |
| 11.09 | Dương Thị Phúc   |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     |                                     |                                     |         |
| 12    | Phạm Văn Hối Em  |                                                      | Phó Tổng<br>Giám đốc               |                    |                      |         | 236 Nam Kỳ<br>Khởi Nghĩa,<br>P.Xuân Hòa,<br>TP. HCM | 0                                   | 0,00%                               |         |
| 12.1  | Phạm Văn Do      |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 12.2  | Nguyễn Thị Mười  |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     | Đã mất  |
| 12.3  | Phạm Văn Tùng    |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 12.4  | Nguyễn Thị Đệt   |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 12.5  | Phạm Thị Tiệm    |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 12.6  | Nguyễn Văn Tùng  |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 12.7  | Phạm Văn Hối Anh |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 12.8  | Đào Thị Bé       |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |

| STT   | Họ tên                | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú |
|-------|-----------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------|-------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| (1)   | (2)                   | (3)                                                  | (4)                                | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)             | (9)                                 | (10)                                | (11)    |
| 12.9  | Phạm Văn Đăng         |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 12.10 | Phạm Thị Dung         |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 12.11 | Phạm Văn Cần          |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 12.12 | Nguyễn Thị Ánh Nguyệt |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 12.13 | Phạm Thị Tuyết        |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 12.14 | Nguyễn Huy Tú         |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 12.15 | Hoàng Trọng Dũng      |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 12.16 | Tạ Thị Xuân Hương     |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 12.17 | Hoàng Thị Xuân Thùy   |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 12.18 | Phạm Anh Quân         |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |

| STT   | Họ tên                                | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ                                           | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú          |
|-------|---------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|------------------|
| (1)   | (2)                                   | (3)                                                  | (4)                                | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)                                                       | (9)                                 | (10)                                | (11)             |
| 12.19 | Phạm Nhật Linh                        |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                           | 0                                   |                                     | Còn nhỏ          |
| 12.20 | Công ty CP Gỗ MDF<br>VRG Dongwha      |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                           | 0                                   |                                     | Chủ tịch<br>HĐQT |
| 12.21 | Công ty TNHH MTV<br>Cao su Bình Thuận |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                           |                                     |                                     | Chủ tịch<br>HĐTV |
| 13    | <b>Nguyễn Văn Cường</b>               |                                                      | <b>Trưởng ban<br/>Kiểm soát</b>    |                    |                      |         | <b>236 Nam Kỳ<br/>Khởi Nghĩa, P<br/>Xuân Hòa,<br/>HCM</b> | <b>0</b>                            | <b>0</b>                            |                  |
| 13.1  | Phạm Thị Liêm                         |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                           |                                     |                                     |                  |
| 13.2  | Phan Khắc Tài                         |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                           |                                     |                                     |                  |
| 13.3  | Trịnh Thị Trà                         |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                           |                                     |                                     |                  |
| 13.4  | Phan Thị Cẩm Tú                       |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                           |                                     |                                     |                  |
| 13.5  | Nguyễn Anh Kiệt                       |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                           |                                     |                                     |                  |
| 13.6  | Nguyễn Anh Khôi                       |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                           |                                     |                                     | Còn nhỏ          |
| 13.7  | Nguyễn Văn Hải                        |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                           |                                     |                                     |                  |

| STT   | Họ tên                         | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ                                     | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú                                           |
|-------|--------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------------|
| (1)   | (2)                            | (3)                                                  | (4)                                | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)                                                 | (9)                                 | (10)                                | (11)                                              |
| 13.8  | Phạm Thị Ái                    |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     |                                     |                                     |                                                   |
| 13.9  | Nguyễn Văn Triết               |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     |                                     |                                     |                                                   |
| 13.10 | Vi Thị Thủy Châu               |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     |                                     |                                     |                                                   |
| 13.11 | Nguyễn Thị Liễu                |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     |                                     |                                     |                                                   |
| 13.12 | Lê Tuấn Nin                    |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     |                                     |                                     |                                                   |
| 13.13 | Nguyễn Văn Dũng                |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     |                                     |                                     |                                                   |
| 13.14 | Lê Thị Cẩm Nhung               |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     |                                     |                                     |                                                   |
| 13.15 | Công ty Cổ phần VRG<br>Bảo Lộc |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     |                                     |                                     | Thôi là Chủ<br>tịch HĐQT từ<br>ngày<br>29/05/2026 |
| 14    | Võ Văn Tuấn                    |                                                      | Kiểm soát<br>viên                  |                    |                      |         | 236 Nam Kỳ<br>Khởi Nghĩa,<br>P.Xuân Hòa,<br>TP. HCM | 1.600                               | 0,00004%                            |                                                   |

| STT   | Họ tên            | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú |
|-------|-------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------|-------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| (1)   | (2)               | (3)                                                  | (4)                                | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)             | (9)                                 | (10)                                | (11)    |
| 14.1  | Võ Văn Máy        |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     | Đã mất  |
| 14.2  | Nguyễn Thị Loan   |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 14.3  | Nguyễn Thanh Vân  |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 14.4  | Nguyễn Thanh Kiều |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 14.5  | Võ Thị Tố Nhi     |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 14.6  | Võ Văn Dũng       |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     | Còn nhỏ |
| 14.7  | Võ Thị Xuân       |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 14.8  | Đoàn Anh Tình     |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 14.9  | Võ Đông           |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |
| 14.10 | Nguyễn Thị Bảy    |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |         |

| STT   | Họ tên                         | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ                                     | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú        |
|-------|--------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|----------------|
| (1)   | (2)                            | (3)                                                  | (4)                                | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)                                                 | (9)                                 | (10)                                | (11)           |
| 14.11 | Vô Văn Tâm                     |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |                |
| 14.12 | Nguyễn Thị Anh Thu             |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |                |
| 14.13 | Vô Thị Thúy                    |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |                |
| 14.14 | Vô Văn Lợi                     |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |                |
| 14.15 | Nguyễn Thị Phượng              |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |                |
| 14.16 | Vô Minh Quốc                   |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |                |
| 14.17 | Phạm Thị Sự                    |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |                |
| 14.18 | Công ty cổ phần VRG<br>Phú Yên |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     |                                     |                                     | Kiểm soát viên |
| 15    | Nguyễn Minh Đức                |                                                      | Kiểm soát<br>viên                  |                    |                      |         | 236 Nam Kỳ<br>Khởi Nghĩa,<br>P.Xuân Hòa,<br>TP. HCM | 0                                   | 0,00%                               |                |
| 15.1  | Nguyễn Thành Vinh              |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |                |

| STT  | Họ tên             | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)              | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ                                     | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú |
|------|--------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| (1)  | (2)                | (3)                                                  | (4)                                             | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)                                                 | (9)                                 | (10)                                | (11)    |
| 15.2 | Phạm Thị Vân       |                                                      |                                                 |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 15.3 | Lê Quang Vinh      |                                                      |                                                 |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 15.4 | Nguyễn Thị Huệ     |                                                      |                                                 |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 15.5 | Lê Thị Tùng Oanh   |                                                      | CV Ban<br>TCDU                                  |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 15.6 | Nguyễn Đức Dũng    |                                                      |                                                 |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 15.7 | Nguyễn Minh Thu    |                                                      |                                                 |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     | Còn nhỏ |
| 15.8 | Nguyễn Minh An     |                                                      |                                                 |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     | Còn nhỏ |
| 16   | Hoàng Đôn Huân     |                                                      | Người phụ<br>trách QT,<br>Người được<br>UQ CBTT |                    |                      |         | 236 Nam Kỳ<br>Khởi Nghĩa,<br>P.Xuân Hòa,<br>TP. HCM | 0                                   | 0,00%                               |         |
| 16.1 | Đinh Thị Cấn       |                                                      |                                                 |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     | Đã mất  |
| 16.2 | Trịnh Thị Kim Loan |                                                      |                                                 |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |

| STT  | Họ tên             | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ                                     | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú |
|------|--------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| (1)  | (2)                | (3)                                                  | (4)                                | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)                                                 | (9)                                 | (10)                                | (11)    |
| 16.3 | Hoàng Mẫn Khánh    |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 16.4 | Hoàng Xuân Trúc    |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 16.5 | Hoàng Thị Bích Hòa |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 16.6 | Trần Thanh Vân     |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 17   | Lưu Thị Tố Như     |                                                      | Phụ trách<br>Kế toán               |                    |                      |         | 236 Nam Kỳ<br>Khởi Nghĩa,<br>P.Xuân Hòa,<br>TP. HCM | 0                                   | 0,00%                               |         |
| 17.1 | Nguyễn Thị Vân     |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 17.2 | Lưu Bảo Linh       |                                                      | Chuyên viên<br>ban QL và<br>PT KCN |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 17.3 | Lê Thị Hồng Mai    |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |
| 17.4 | Lưu Tuấn Cường     |                                                      |                                    |                    |                      |         |                                                     | 0                                   |                                     |         |

| STT   | Họ tên                                        | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) | Số giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp<br>giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú                 |
|-------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------|
| (1)   | (2)                                           | (3)                                                  | (4)                                | (5)                | (6)                  | (7)     | (8)             | (9)                                 | (10)                                | (11)                    |
| 17.5  | Lê Đạt Duy Phương                             |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                         |
| 17.6  | Lương Hồ Nhật Mai                             |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                         |
| 17.7  | Lê Đạt Minh Khánh                             |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                         |
| 17.8  | Lê Đạt Quang                                  |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                         |
| 17.9  | Lê Thị Thu Hà                                 |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 | 0                                   |                                     |                         |
| 17.10 | Công ty CP Cao su<br>Krông Buk - Ratanakirri  |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 |                                     |                                     | Thành viên<br>HĐQT      |
| 17.11 | Công ty CP Cao su Mang<br>Yang - Rattanakirri |                                                      |                                    |                    |                      |         |                 |                                     |                                     | Trưởng ban<br>kiểm soát |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: không

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác:** Không ✓

*Nơi nhận :*

- Như trên;
- Lưu: VT, QT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Công Kha**